

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN VĂN BÀN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 24/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 01/8/2023

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BÀN, TỈNH LÀO CAI**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Văn Nghĩa;

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đàm Sông Hương và bà Vũ Thị Vẻ.

*Thư ký phiên tòa:* Ông Tráng Kháy Phìn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Đức Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 01/8/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 32/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/3/2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 03/7/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 14/2023/QĐST – HNGĐ ngày 14/7/2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lý Thị T - sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Hà Văn S - sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Có mặt tại phiên tòa. Không có lý do.

- Những người làm chứng:

1, Ông Hà Văn T – Trưởng Thôn;

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai..

2, Bà Hoàng Thị T – Sinh năm 1940.

Địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai.

Những người làm chứng đều vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn chị Lý Thị T trình bày:* Chị và anh Hà Văn S tự nguyện tìm hiểu tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 04/9/2012 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chủ yếu là do anh S thường xuyên uống rượu, chửi bới và đuổi chị đi. Mặc dù chị đã nhận nhin, khuyên bảo mong anh S thay đổi để vợ chồng hòa thuận, cùng nhau nuôi dạy con cái. Hai bên gia đình cũng đã khuyên giải nhưng anh S không thay đổi. Do mâu thuẫn căng thẳng nên chị đã đi làm ăn xa, thi thoảng về thăm con, giữa chị và anh S không còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn được gia đình nội ngoại, thôn bản hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Hà Văn S.

Về con: Chị Lý Thị T xác định anh chị không ai có con riêng, hiện nay chị không mang thai nghén gì. Vợ chồng có 02 con chung là Hà Thị Bích A - sinh ngày 20/9/2012 và cháu Hà Đức T - sinh ngày 17/02/2015. Hiện nay do chị đi làm ăn nên các cháu ở với anh S, thi thoảng chị về thăm và vẫn chu cấp nuôi con. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai cháu, đến khi hai cháu đủ 18 tuổi.

Chị làm nghề tự do, trồng trọt chăn nuôi ở nhà và có đi làm thuê bên ngoài, cũng có thu nhập ổn định khoảng 6.000.000đ/tháng. So với mức chi tiêu của địa phương thì cũng đủ đảm bảo cuộc sống cho các cháu. Chị không đề nghị anh Hà Văn S cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Chị Lý Thị T xác định vợ chồng chị tự thỏa thuận, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Chị Lý Thị T xác định vợ chồng không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào, không cho ai vay nợ gì, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Bị đơn anh Hà Văn S trình bày:*

Anh và chị Lý Thị T có tìm hiểu và đăng ký kết hôn với nhau ngày 04/9/2012 tại UBND xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai. Từ khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống với nhau khá hòa thuận, hạnh phúc, không có mâu thuẫn trầm trọng. Tuy nhiên, từ năm 2020 chị T đi làm ăn xa ở tỉnh Bắc Ninh, mặc dù vào dịp được nghỉ thì vẫn về thăm gia đình, chăm sóc con cái, nhưng tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, chị T không còn quan tâm chăm sóc tình cảm gì đối với anh nữa. Mặc dù anh cũng đã khuyên bảo, tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai bên gia đình nội ngoại cũng đã gặp gỡ trao đổi với nhau để hòa giải cho hai vợ chồng đoàn tụ. Nhưng chị T không thay đổi vẫn giữ tính cách và quan điểm của mình. Đến nay, mặc dù chị T đề nghị ly hôn nhưng anh xác định là bản thân anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị T và mong muốn đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con cái trưởng thành. Nên anh không nhất trí ly hôn.

Về con: Anh Hà Văn S xác nhận vợ chồng không ai có con riêng, hiện nay chị T không mang thai với anh. Anh chị có 02 con chung là Hà Thị Bích A - sinh ngày 20/9/2012 và cháu Hà Đức T - sinh ngày 17/02/2015, các cháu đều phát triển khỏe mạnh. Hiện nay các cháu đều đang ở với anh. Nếu chị T cương quyết

ly hôn thì anh có nguyện vọng trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai cháu, đến khi hai cháu đủ 18 tuổi. Anh không yêu cầu chị T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh Hà Văn S xác nhận vợ chồng tự thỏa thuận, nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về vay nợ: Anh Hà Văn S xác nhận vợ chồng không vay nợ cá nhân, tổ chức, ngân hàng nào, không cho ai vay nợ nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

*Trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án đã tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương, lấy lời khai người làm chứng thể hiện:* Chị Lý Thị T và anh Hà Văn S. tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã V, huyện V vào ngày 04/9/2012. Trong quá trình chung sống cùng nhau tại địa phương có phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng xảy ra cãi chửi nhau. Mâu thuẫn của hai vợ chồng đã được gia đình, bạn bè và thôn bản hòa giải nhưng không thành. Hiện nay hai vợ chồng anh chị đã sống ly thân, không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Cả hai vợ chồng là lao động tự do, thu nhập bình quân 6.000.000đ/tháng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã ghi ý kiến của Hà Thị Bích A - sinh ngày 20/9/2012 và cháu Hà Đức T - sinh ngày 17/02/2015. Cả hai cháu đều có ý kiến, nguyện vọng ở cùng bố là anh Hà Văn S.

#### **Tại phiên Tòa:**

- Nguyên đơn chị Lý Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và thể hiện quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

- Bị đơn anh Hà Văn S có mặt tại phiên tòa. Anh thể hiện quan điểm như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án và phiên tòa hôm nay, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 229 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Giải quyết theo hướng:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xử cho chị Lý Thị T được ly hôn với anh Hà Văn S.

- Về con chung: Giao cháu Hà Thị Bích A - sinh ngày 20/9/2012 cho chị Lý Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung: Giao cháu Hà Đức T - sinh ngày 17/02/2015 cho anh Hà Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu T trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con

chung.

- Về án phí và quyền kháng cáo tuyên theo quy định của pháp luật.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa; Ý kiến của kiểm sát viên; căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về Tố tụng: Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ kèm theo chị Lý Thị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Hà Văn S, sinh năm 1981. Nơi cư trú: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai và quan hệ pháp luật là *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*.

[2] Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn anh Hà Văn S có vắng mặt tại phiên tòa; người làm chứng vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn chị Lý Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Lý Thị T và anh Hà Văn S tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau ngày 04/9/2012 tại UBND xã V, huyện V. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc, được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng phát sinh những bất đồng trong cuộc sống, do anh S thường xuyên uống rượu, chửi bới và đuổi chị T đi. Mặc dù đã được đôi bên gia đình khuyên giải nhưng anh S không thay đổi. Do mâu thuẫn căng thẳng nên năm 2020 chị T đã bỏ đi làm ăn xa, thi thoảng về thăm con, giữa chị và anh S không còn quan tâm đến nhau nữa. Mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã được thôn bản hòa giải nhiều lần, nhưng không thành. Bản thân anh Hà Văn S cũng thừa nhận từ năm 2020 chị T đi làm ăn xa ở tỉnh Bắc Ninh, mặc dù vào dịp được nghỉ thì vẫn về thăm gia đình, chăm sóc con cái, nhưng tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, chị T không còn quan tâm chăm sóc tình cảm gì đối với anh nữa. Mặc dù anh cũng đã khuyên bảo, tìm biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, hai bên gia đình nội ngoại cũng đã gặp gỡ trao đổi với nhau để hòa giải cho hai vợ chồng đoàn tụ. Nhưng chị T không thay đổi vẫn giữ tính cách và quan điểm của mình. Đến nay, mặc dù chị T đề nghị ly hôn nhưng anh S xác định là bản thân anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị T và mong muốn vợ chồng về đoàn tụ, nhưng anh cũng không có biện pháp nào để khắc phục được mâu thuẫn vợ chồng.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương và người làm chứng đều xác nhận hai vợ chồng chị T và anh S đã phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thường xảy ra cãi chửi nhau và sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Mặc dù hai bên gia đình và các đoàn thể thôn đã hòa giải, nhưng vợ chồng anh chị không về đoàn tụ với nhau.

Như vậy có đủ cơ sở để xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh S đã trầm trọng, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu

xin ly hôn của chị Lý Thị T đối với anh Hà Văn S là có căn cứ và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về con chung: Vợ chồng chị Lý Thị T và anh Hà Văn S không ai có con riêng. Anh chị có 02 con chung là Hà Thị Bích A - sinh ngày 20/9/2012 và cháu Hà Đức T - sinh ngày 17/02/2015. Hiện nay các cháu đều đang ở cùng anh S.

Hiện tại anh Hà Văn S là lao động tự do tại địa phương có mức thu nhập bình quân 6.000.000đ/ tháng. Chị Lý Thị T lao động tự do và đi làm thuê có mức thu nhập ổn định là 6.000.000đ/ tháng. Đối với ý kiến của cháu Hà Thị Bích A và cháu Hà Đức T thì các cháu đang ở cùng anh Hà Văn S, các cháu được ăn ở và đi học bình thường, các cháu đều có nguyện vọng ở cùng bố là anh Hà Văn S. Chị Lý Thị T thường xuyên đi làm ăn xa, nên không thể trực tiếp chăm sóc cuộc sống hàng ngày của các cháu được. Vì vậy để đảm bảo sự ổn định cho cuộc sống, học tập và sự phát triển của các cháu, nên cần giao cháu Hà Thị Bích A và cháu Hà Đức T cho anh Hà Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi, là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Hà Văn S không yêu cầu chị Lý Thị T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[5] Về tài sản và vay nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu, nên Tòa án không đề cập giải quyết.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị Lý Thị T phải chịu toàn bộ án phí theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung và hướng giải quyết vụ án về quan hệ hôn nhân là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật; Về nuôi con chung là chưa phù hợp với nguyện vọng của cháu Hà Thị Bích A, nên không được chấp nhận. Vì cần để đảm bảo sự ổn định cho cuộc sống, học tập và sự phát triển của các cháu, nên cần giao cháu Hà Thị Bích A và cháu Hà Đức T cho anh Hà Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi, là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

***Vì các lẽ trên:***

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 229; Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lý Thị T:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị T được ly hôn với anh Hà Văn S.

- Về con chung: Giao cháu Hà Thị Bích A - sinh ngày 20/9/2012 và cháu Hà Đức T - sinh ngày 17/02/2015 cho anh Hà Văn S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu A và cháu T đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lý Thị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

2. Về án phí: Chị Lý Thị T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân và gia đình. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000<sup>d</sup> (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004417 ngày 10/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Chị Lý Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hà Văn S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Hà Văn S được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Lý Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh LC (1);
- VKSND (2);
- Các đương sự (2);
- CCTHADS (1);
- UBND xã V, huyện V, tỉnh Lào Cai (1);
- Lưu HS, TP, TA (4).

**TM - HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Văn Nghĩa**

